

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO BẰNG
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2025/DS-ST

Ngày 26-6-2025

V/v Yêu cầu bồi thường thiệt hại
trong hoạt động quản lý hành
chính; yêu cầu hoàn trả tiền trợ
cấp thôi việc.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG - CAO BẰNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Hộ

2. Ông Lã Văn Luật

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Triệu Bảo Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Anh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23 và 26 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 42/2025/TLST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2025 về yêu cầu bồi thường thiệt hại trong hoạt động quản lý hành chính theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2025/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Hà C; sinh năm 1972; địa chỉ: tổ F, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; có mặt.

2. *Bị đơn:*

2.1. Ủy ban nhân dân thành phố C, tỉnh Cao Bằng; người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thế H – Chủ tịch, uỷ quyền cho ông Đàm Hải D – Trưởng phòng Nội vụ thành phố C; có mặt.

2.2. Bảo hiểm xã hội tỉnh C (nay là Bảo hiểm xã hội khu vực IX); người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Văn C1 – Giám đốc; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/3/2025 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Nguyễn Thị Hà C trình bày:

Ngày 05/8/2024 Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C ban hành Quyết định số 1382/QĐ-UBND nhận bà trở lại làm việc nhưng chưa giải quyết các chế độ chính sách theo đúng quy định của pháp luật và Bảo hiểm xã hội tỉnh Cao Bằng chưa tính thời gian công tác từ tháng 7/1992 cho đến nay. Do đó, bà yêu cầu khôi

phục quyền lợi cho bà trong những năm nghỉ không có việc làm do Quyết định số 3578/QĐ-UBND ngày 09/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C gây ra. Cụ thể, bà khởi kiện yêu cầu:

1. Khôi phục quyền lợi do Quyết định số 3578/QĐ-UBND ngày 09/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C gây ra.

bao gồm các khoản sau:

2. Bồi thường thu nhập thực tế bị mất từ ngày 01/01/2022 đến ngày 04/8/2024 (31 tháng) với số tiền 240.079.500đ (*Hai trăm bốn mươi triệu không trăm bảy mươi chín nghìn năm trăm đồng*).

3. Bồi thường tổn thất về tinh thần:

- Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022 là 246 ngày x 302.232đ/ngày (01 ngày lương cơ sở xác định 01 tháng lương chia 22 ngày) = 79.789.500đ

- Từ tháng 01/2023 đến tháng 6/2023 là 132 ngày x 330.170đ/ngày (tăng hệ số lương) = 43.582.500đ.

- Từ tháng 7/2023 đến tháng 6/2024 là 264 ngày x 398.860/ngày – 105.300.000đ.

4. Bồi thường các chi phí khác gồm: chi phí đi lại, thuê phòng nghỉ, in ấn, tài liệu gửi đơn thư trong quá trình khiếu nại, thuê tư vấn luật sư là 80.000.000đ (*Tám mươi triệu đồng*).

5. Tính thời gian đóng bảo hiểm xã hội thực tế cho bà Nguyễn Thị Hà C từ tháng 7/1992 đến tháng 4/2025 là 32 năm 10 tháng.

Ngày 06/5/2025 bà Nguyễn Thị Hà C có đơn sửa đổi bổ sung yêu cầu khởi kiện trong đó điều chỉnh số tiền yêu cầu bồi thường tổn thất tinh thần là 12 tháng x 1.800.000đ = 21.600.000đ (*Hai mươi một triệu sáu trăm nghìn đồng*).

Ngày 20/5/2025 Ủy ban nhân dân thành phố C có đơn yêu cầu phản tố đề nghị Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Hà C phải hoàn lại số tiền trợ cấp thôi việc là 143.891.235đ (*Một trăm bốn mươi ba triệu tám trăm chín mươi một nghìn hai trăm ba mươi lăm đồng*) do thực hiện quyết định số 2020/QĐ-UBND ngày 27/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh C về việc phê duyệt danh sách và cấp kinh phí giải quyết chính sách tinh giản biên chế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C đã ban hành quyết định số 3578/QĐ-UBND ngày 09/11/2021 về giải quyết thôi việc đối với công chức cấp xã (bà Nguyễn Thị Hà C), ngày 24/3/2022 bà C đã nhận được đầy đủ số tiền trợ cấp theo chế độ là 143.891.235đ. Tuy nhiên, tại bản án hành chính số 12/2023/HC-ST ngày 31/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng và bản án hành chính số 146/2024/HC-PT ngày 20/3/2024 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đều quyết định “hủy Quyết định số 3578/QĐ-UBND ngày 09/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C về việc giải quyết thôi việc đối với công chức cấp xã; Ủy ban nhân dân thành phố C có trách nhiệm tiếp nhận bà C trở lại làm việc và giải quyết các chế độ chính sách đối với bà C đúng quy định của pháp luật”. Hiện nay Ủy ban nhân dân thành phố C đã tiếp nhận bà C trở lại làm việc, do đó yêu cầu bà C phải trả lại số tiền trợ cấp thôi việc đã nhận.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà C Ủy ban nhân dân thành phố N bồi thường thiệt hại do thu nhập thực tế về tiền lương, phụ cấp là 240.079.500đ (*Hai trăm bốn mươi triệu không trăm bảy mươi chín nghìn năm trăm đồng*); về yêu cầu bồi thường tổn thất về tinh thần không nhất trí vì theo điều 27 của Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước không đề cập đến trường hợp như của bà C; yêu cầu bồi thường các chi phí khác gồm: chi phí đi lại, thuê phòng nghỉ, in ấn tài liệu, gửi đơn thư trong quá trình khiếu nại, tố cáo; thuê tư vấn luật sư không nhất trí vì bà C vẫn chưa cung cấp được các chứng từ hay minh chứng.

Bà Nguyễn Thị Hà C không nhất trí với yêu cầu phản tố của Ủy ban nhân dân thành phố C vì quyết định thôi việc là sai, khoản tiền chi trả là hậu quả của hành vi hành chính trái pháp luật, bản thân bà không có lỗi trong việc gây ra quyết định đó nên không có nghĩa vụ hoàn trả.

Tại công văn số 731/BHXX-TTKT ngày 21/5/2025 của Bảo hiểm xã hội tỉnh C có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hà C như sau:

Thực tế tính đến thời điểm hiện nay (tháng 5/2025) bà C đang có quá trình tham gia công tác ghi nhận trên sổ BHXH số 1199020477 là 21 năm 04 tháng. Thời gian tham gia công tác từ tháng 7/1992 đến tháng 6/2001 của bà C chưa được ghi nhận trên sổ bảo hiểm với lý do:

Theo sổ BHXH cấp lần đầu (do BHXH tỉnh cấp ngày 31/12/1999; sổ sổ BHXH 1199020477) mang tên Hà Thị C2 (bà C2) thì bà C2 có quá trình tham gia công tác bắt đầu từ tháng 7/1992 đến tháng 12/2012.

Ngày 04/3/2016 theo đề nghị của cá nhân bà C2 và đơn vị sử dụng lao động là Ủy ban nhân dân phường H thì BHXH thành phố đã đổi lại sổ BHXH từ họ tên Hà Thị C2 thành Nguyễn Thị Hà C, sổ sổ BHXH vẫn theo sổ sổ cấp lần đầu là 1199020477, thời gian tham gia công tác vẫn ghi nhận như sổ BHXH cấp lần đầu là từ tháng 7/1992 đến tháng 12/2016.

Ngày 16/10/2019 sổ BHXH của bà C được BHXH thành phố Cao Bằng cấp lại lần 3, sổ sổ BHXH vẫn là 1199020477, thời gian tham gia công tác từ tháng 11/2003 đến tháng 12/2018 do: năm 2018 qua thực hiện công tác rà soát để bàn giao sổ BHXH cho người lao động theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014, Bảo hiểm xã hội thành phố C thấy sổ BHXH của bà C có thời gian công tác từ tháng 7/1992 đến tháng 10/2003 tại UBND phường H đảm nhiệm chức danh Văn thư. Theo các văn bản hướng dẫn về xác định các chức danh được tính là thời gian tham gia công tác đối với cán bộ cấp xã qua các thời kỳ thì chức danh văn thư không thuộc chức danh được tính hưởng BHXH. Bảo hiểm xã hội thành phố C đã phối hợp với phòng Nội vụ, Ủy ban nhân dân phường H và cá nhân bà C để cùng phối hợp giải quyết.

Tại biên bản cuộc họp ngày 10/9/2019 về việc giải quyết vướng mắc đối với cán bộ xã phường, thị trấn thống nhất: đối với trường hợp bà C, thời gian từ tháng 7/1992 đến quý IV năm 2000 bà C đảm nhận chức danh văn thư, tạp vụ; năm 2001, 2002 không có hồ sơ làm căn cứ xác định chức danh đảm nhiệm; từ tháng 11/2003 đảm nhiệm chức danh Văn phòng – thống kê (chức danh được tính hưởng BHXH), theo đó đề nghị BHXH thành phố cấp lại sổ BHXH cho bà C có thời gian tham gia công tác từ tháng 11/2003.

Ngày 24/6/2022 Ủy ban nhân dân thành phố C đã có Công văn số 1410/UBND-NV gửi kèm Quyết định số 159/QĐ.TC.UB ngày 10/7/2001 của Ủy ban nhân dân thị xã C về việc bố trí, sắp xếp cán bộ xã, phường thì Bảo hiểm xã hội tỉnh đã phối hợp với Ủy ban nhân dân phường H thực hiện truy đóng và ghi nhận bổ sung trên sổ BHXH thời gian tham gia công tác từ tháng 7/2001 đến tháng 10/2003. Như vậy, thời gian tham gia công tác của bà C còn vướng mắc chưa được giải quyết là từ tháng 7/1992 đến tháng 6/2001.

Đối với thời gian tham gia công tác từ tháng 7/1992 đến tháng 6/2001 của bà C đã có 02 bản án của Tòa án (bản án số 12/2023/HC-ST ngày 31/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng và bản án số 146/2024/HC-PT ngày 20/3/2024 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội về việc khiếu kiện quyết định giải quyết cho thôi việc công chức) nhưng cả 02 bản án đều không có nội dung tuyên xử về việc tính thời gian tham gia công tác hưởng Bảo hiểm xã hội từ tháng 7/1992 đến tháng 6/2001 của bà C, chỉ có phần nhận định đối với các yêu cầu khác, trong đó có yêu cầu xác định lại thời gian đóng bảo hiểm xã hội thực tế của bà C tính từ năm 1992 là hậu quả pháp lý của việc chấp nhận yêu cầu huỷ bỏ Quyết định số 3578/QĐ-UBND ngày 09/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C. Vì vậy các yêu cầu này do Ủy ban nhân dân thành phố C quyết định sau khi thi hành bản án có hiệu lực pháp luật. Ngày 24/12/2024 Bảo hiểm xã hội tỉnh C đã có công văn số 2380/BHXH-TTKT về việc tính thời gian tham gia công tác của bà Nguyễn Thị Hà C gửi Ủy ban nhân dân thành phố C trong đó có nội dung Bảo hiểm xã hội tỉnh sẽ phối hợp để ghi nhận thời gian tham gia công tác hưởng Bảo hiểm xã hội từ tháng 7/1992 đến tháng 6/2001 của bà C khi Ủy ban nhân dân thành phố có đề nghị và hồ sơ tính thời gian tham gia công tác từ tháng 7/1992 đến tháng 6/2001 của bà C có đủ cơ sở pháp lý theo quy định.

Tại công văn số 130/BHXH-TTKT ngày 20/6/2025 của Bảo hiểm xã hội khu vực IX xác định tỷ lệ đóng và số tiền đóng Bảo hiểm xã hội của cá nhân bà Nguyễn Thị Hà C trong trường hợp bà C được đóng Bảo hiểm xã hội từ tháng 7/1992 đến tháng 6/2001 được tạm tính theo hai giai đoạn:

Thời gian từ tháng 7/1992 đến tháng 12/1997: tại khoản 6 Điều 8 Thông tư liên tịch số 03/2010/TTLT-BNV-BTC-BLĐTB&XH ngày 27/5/2010 quy định: “Cán bộ cấp xã có thời gian đảm nhiệm chức danh theo Nghị định số 09/1998/NĐ-CP, nếu công tác liên tục đến ngày 01 tháng 01 năm 1998 và hưởng sinh hoạt phí theo Nghị định số 09/1998/NĐ-CP thì thời gian đảm nhiệm chức danh trước ngày 01 tháng 01 năm 1998 được tính là thời gian đã đóng Bảo hiểm xã hội”. Trường hợp bà C đủ điều kiện theo quy định trên thì sẽ được tính là thời gian tham gia Bảo hiểm xã hội.

Thời gian từ tháng 01/1998 đến tháng 6/2001: tại khoản 3 mục III Thông tư liên tịch số 99/1998/TTLT/TCCP-BTC-BLĐTBXH ngày 19/5/1998 quy định tỷ lệ đóng Bảo hiểm xã hội là 15% mức sinh hoạt phí, trong đó ngân sách nhà nước đóng 10% cán bộ xã đóng 5% mức sinh hoạt phí đang hưởng. Theo quy định trên tổng số tiền tạm tính thời gian từ tháng 01/1998 đến tháng 6/2001 là 1.503.270 đồng (chưa bao gồm tiền lãi), trong đó: ngân sách Nhà nước đóng: 1.002.180 đồng và cá nhân bà Nguyễn Thị Hà C đóng 501.090 đồng.

Thời gian từ tháng 01/2022 đến tháng 7/2024 tỷ lệ đóng Bảo hiểm xã hội là đơn vị sử dụng lao động đóng 20,5% và người lao động đóng 9,5%. Theo đó đơn vị sử dụng lao động phải đóng 36.875.652đ (*Ba mươi sáu triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn sáu trăm năm mươi hai đồng*) và người lao động phải đóng 17.088.720đ (*Mười bảy triệu không trăm tám mươi tám nghìn bảy trăm hai mươi đồng*), số tiền lãi truy thu là 9.353.978đ (*Chín triệu ba trăm năm mươi ba nghìn chín trăm bảy mươi tám đồng*).

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bổ sung yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân thành phố C có văn bản công khai xin lỗi tại nơi làm việc để phục hồi danh dự, uy tín cho người bị thiệt hại đồng thời xác nhận số tiền yêu cầu bồi thường thiệt hại do thu nhập thực tế bị mất chưa bao gồm các khoản phải khấu trừ do đó nhất trí tính các khoản khấu trừ trên số tiền được bồi thường do thu nhập thực tế bị mất.

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố C nhất trí bồi thường tổn thất về tinh thần và yêu cầu có văn bản công khai xin lỗi tại nơi làm việc theo yêu cầu của bà C, đồng thời đề nghị không tính số tiền lãi truy thu đóng bảo hiểm xã hội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng; những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Quyết định số 3578/QĐ-UBND ngày 09/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C buộc bà Nguyễn Thị Hà C thôi việc là không đúng quy định pháp luật, gây thiệt hại trực tiếp về thu nhập, tinh thần và chi phí cho bà C. Việc Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định số 1382/QĐ-UBND ngày 05/8/2024 tiếp nhận bà C trở lại làm việc là cơ sở xác định rõ hành vi hành chính ban đầu là trái pháp luật. Bị đơn đã thừa nhận trách nhiệm bằng việc chấp nhận bồi thường khoản thu nhập thực tế bị mất của bà C là 240.079.500 đồng. Các yêu cầu bồi thường tổn thất tinh thần và chi phí hợp lý khác của nguyên đơn được xác định là có cơ sở. Tuy nhiên nguyên đơn không cung cấp các hóa đơn, chứng từ cụ thể để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, do đó, cần tính theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và kết quả xác minh tại cơ quan bảo hiểm xã hội, xác định bà Nguyễn Thị Hà C có thời gian tham gia công tác từ tháng 7/1992 đến năm 2019, việc gián đoạn quá trình đóng BHXH từ thời điểm bị buộc thôi việc đến khi được tiếp nhận trở lại làm việc là hậu quả trực tiếp của quyết định hành chính trái pháp luật do UBND thành phố C ban hành. Như vậy, toàn bộ thời gian công tác thực tế của bà C từ tháng 7/1992 đến tháng 7/2024 là liên tục và phải được ghi nhận đầy đủ vào sổ bảo hiểm xã hội để làm căn cứ giải quyết chế độ, chính sách. Việc ghi nhận thiếu hoặc làm

gián đoạn thời gian tham gia BHXH là không đúng quy định, xâm phạm quyền lợi hợp pháp của người lao động. Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là xác định lại thời gian đóng bảo hiểm là có căn cứ, cần được chấp nhận.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn về việc buộc bà C hoàn trả số tiền trợ cấp thôi việc 143.891.235 đồng là có căn cứ theo Điều 41 Bộ luật lao động năm 2019. Khi Ủy ban nhân dân thành phố C nhận bà C quay trở lại làm việc và chấp nhận thanh toán thu nhập thực tế bị mất của bà C điều đó đồng nghĩa với việc bà C không được hưởng trợ cấp thất nghiệp. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Các Điều 7, 8, 13, 15, 22, 24, 27, 28 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017; Điều 18 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014; Điều 41 Bộ luật lao động năm 2019 Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hà C: Buộc bị đơn là UBND thành phố C bồi thường số tiền thực tế thu nhập bị mất, thanh toán số tiền tổn thất về tinh thần và các chi phí khác theo quy định của Luật bồi thường nhà nước.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C: Buộc BHXH tỉnh Cao Bằng tính thời gian đóng BHXH liên tục từ tháng 7/1992 đến tháng 7/2024, đảm bảo quyền hưởng chế độ cho bà C. Bà C, UBND thành phố C có nghĩa vụ truy đóng các khoản tiền bảo hiểm theo tỷ lệ quy định.

Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn về việc yêu cầu nguyên đơn hoàn trả lại số tiền trợ cấp thôi việc mà nguyên đơn đã nhận là 143.891.235 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Quan hệ tranh chấp là tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng theo quy định tại khoản 6 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc các bị đơn có trách nhiệm khôi phục quyền lợi trong thời gian không có việc làm do Quyết định số 3578/QĐ-UBND ngày 09/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C gây ra do đó quan hệ tranh chấp được xác định cụ thể là “yêu cầu bồi thường thiệt hại trong hoạt động quản lý hành chính”.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn có yêu cầu phản tố buộc nguyên đơn có trách nhiệm hoàn trả lại số tiền trợ cấp thôi việc đã được hưởng do đó Hội đồng xét xử xác định thêm quan hệ tranh chấp được xác định thêm là yêu cầu hoàn trả lại tiền trợ cấp thôi việc.

[1.2]. Về tư cách tham gia tố tụng

Ngày 16/6/2025 bà Nguyễn Thị Hà C có đơn kiến nghị về việc không chấp nhận việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ủy quyền cho Trưởng phòng nội vụ tham gia tố tụng, đề nghị đích danh Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố tham gia phiên tòa.

Tại Điều 86 Bộ luật tố tụng dân sự quy định:

“1. Người đại diện theo pháp luật trong tố tụng dân sự thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng dân sự của đương sự trong phạm vi mà mình đại diện.

2. Người đại diện theo ủy quyền trong tố tụng dân sự thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng dân sự của đương sự theo nội dung văn bản ủy quyền”

Ngày 26/5/2025 Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C đã có văn bản ủy quyền cho Trưởng phòng Nội vụ thành phố C tham gia tố tụng trong vụ án, do đó việc Trưởng phòng Nội vụ tham gia phiên tòa là phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự. Yêu cầu của bà C về việc đề nghị đích danh Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố tham gia phiên tòa là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Từ ngày 01/7/1992 bà Nguyễn Thị Hà C công tác tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng, đến tháng 02/2018 bà C được điều động sang công tác tại Ủy ban nhân dân phường S, thành phố C. Quá trình công tác tại Ủy ban nhân dân phường S: năm 2019 bà C bị đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ (bị kỷ luật), năm 2020 được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ và 09 tháng đầu năm 2021 được đánh giá hoàn thành tố tụng vụ. Ngày 13/9/2021 bà C được điều động sang Ủy ban nhân dân xã H, thành phố C nhưng đến ngày 15/9/2021 Ủy ban nhân dân phường S họp xét tình hình biên chế đối với bà C với lý do có hai năm liên tiếp trong đó có một năm không hoàn thành và một năm hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí công việc khác phù hợp và làm thủ tục trình Ủy ban nhân dân thành phố C quyết định giải quyết thôi việc đối với bà C.

Tại bản án số 12/2023/HC-ST ngày 31/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng và bản án số 146/2024/HC-PT ngày 20/3/2024 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội quyết định: “Hủy quyết định số 3578/QĐ-UBND ngày 09/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C về việc giải quyết thôi việc đối với công chức cấp xã. Ủy ban nhân dân thành phố C có trách nhiệm tiếp nhận bà C trở lại làm việc và giải quyết các chế độ chính sách đối với bà C đúng quy định của pháp luật”.

Do đó, bà Nguyễn Thị Hà C khởi kiện Ủy ban nhân dân thành phố C và Bảo Hiểm xã hội tỉnh Cao Bằng khôi phục quyền lợi trong thời gian bị thôi việc là có căn cứ.

[2.1]. Về thu nhập thực tế bị mất:

Bà Nguyễn Thị Hà C bị thôi việc từ ngày 01/01/2022 đến ngày 04/8/2024 là 31 tháng và yêu cầu được bồi thường 240.079.500đ (*Hai trăm bốn mươi triệu không trăm bảy mươi chín nghìn năm trăm đồng*). Xét thấy, yêu cầu của bà C phù hợp với quy định tại Điều 24 Luật trách nhiệm bồi thường Nhà nước và người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố C nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà C nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà C xác nhận số tiền yêu cầu bồi thường chưa bao gồm các khoản phải khấu trừ và nhất trí đối trừ các khoản phải khấu trừ trên số tiền được bồi thường.

Theo biểu chi tiết tính đóng bảo hiểm xã hội của Bảo hiểm xã hội khu vực IX số tiền bà C phải đóng là 17.088.720 đồng, số tiền này sẽ được khấu trừ vào khoản bồi thường thu nhập thực tế bị mất, bà C sẽ được nhận số tiền còn lại là

222.990.780đ (Hai trăm hai mươi hai triệu chín trăm chín mươi nghìn bảy trăm tám mươi đồng).

[2.2]. Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại về tinh thần

Theo đơn khởi kiện bà C yêu cầu được bồi thường 240.079.500đ (*Hai trăm bốn mươi triệu không trăm bảy mươi chín nghìn năm trăm đồng*) tuy nhiên ngày 06/5/2025 bà C có đơn sửa đổi, bổ sung yêu cầu về tổn thất về tinh thần 21.600.000đ (*Hai mươi một triệu sáu trăm nghìn đồng*). Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố C nhất trí bồi thường theo yêu cầu của bà C nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự.

[2.3] Các chi phí khác gồm: chi phí đi lại, thuê phòng nghỉ, in ấn, tài liệu gửi đơn thư trong quá trình khiếu nại, thuê tư vấn luật sư bà C yêu cầu được bồi thường 80.000.000đ (*Tám mươi triệu đồng*).

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Hà C thừa nhận bắt đầu khiếu nại đến Ủy ban nhân dân thành phố C từ tháng 11/2021 sau đó khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm ghi nhận trong bản án vắng mặt bà nhưng thực tế bà không được thông báo do đó không trực tiếp tham gia phiên tòa.

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố C cho rằng bà C không xuất trình được hóa đơn, chứng từ để chứng minh nên không có căn cứ để bồi thường. Tuy nhiên Điều 28 Luật trách nhiệm bồi thường của nhà nước quy định các chi phí hợp lý khác được bồi thường bao gồm: Chi phí thuê phòng nghỉ, chi phí đi lại, in ấn tài liệu, gửi đơn thư trong quá trình khiếu nại, tố cáo, chi phí thuê người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị thiệt hại...

[2.3.1]. Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 28 Luật Trách nhiệm bồi thường của nhà nước đối với chi phí thuê phòng nghỉ, chi phí đi lại, in ấn tài liệu được thanh toán theo hóa đơn, chứng từ hợp pháp, trường hợp người yêu cầu bồi thường không xuất trình được hóa đơn, chứng từ hợp pháp đối với các chi phí này thì chi phí được bồi thường không quá 06 tháng lương cơ sở cho 01 năm tính từ thời điểm bắt đầu khiếu nại hoặc tố cáo hoặc tham gia tố tụng cho đến ngày có văn bản giải quyết bồi thường có hiệu lực.

Bà C xác nhận bắt đầu khiếu nại từ tháng 11/2021 đến nay là 04 năm, các cơ quan bà chuyên đề nghị giải quyết khiếu nại, khiếu kiện đều có trụ sở tại thành phố C nơi bà C đang sinh sống nên Hội đồng xét xử chấp nhận chi phí đi lại, in ấn tài liệu là 01 tháng lương cơ sở cho 1 năm. Mức lương cơ sở theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ được xác định 2.340.000 đồng/tháng. Bà C được bồi thường chi phí đi lại in ấn tài liệu là 9.360.000đ (*Chín triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng*).

[2.3.2]. Tại điểm b khoản 2 Điều 28 Luật trách nhiệm bồi thường của nhà nước quy định chi phí gửi đơn thư đến cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền giải quyết trong trường hợp người yêu cầu không xuất trình được biên lai cước

phí đối với các chi phí này thì chi phí được bồi thường không quá 01 tháng lương cơ sở cho 01 năm tính từ thời điểm bắt đầu khiếu nại hoặc tố cáo hoặc tham gia tố tụng cho đến ngày có văn bản giải quyết bồi thường có hiệu lực. Tương tự phân tích tại phần [2.3.1] Hội đồng xét xử chấp nhận chi phí gửi đơn thư là 9.360.000đ (*Chín triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng*).

[2.3.3]. Điểm c khoản 2 Điều 28 Luật trách nhiệm bồi thường của nhà nước quy định chi phí thuê người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị thiệt hại được tính theo hợp đồng thực tế nhưng không quá mức thù lao do Chính phủ quy định đối với luật sư tham gia tố tụng theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng và chỉ thanh toán cho một người bào chữa hoặc một người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị thiệt hại tại một thời điểm.

Quá trình giải quyết vụ án bà C thừa nhận không có tài liệu chứng cứ chứng minh có hợp đồng thuê người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp. Mặt khác, tại bản án số 12/2023/HC-ST ngày 31/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng và bản án số 146/2024/HC-PT ngày 20/3/2024 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đều không thể hiện bà C có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp khi tham gia tố tụng, do đó yêu cầu bồi thường chi phí thuê người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà C là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[2.4] Yêu cầu tính thời gian tham gia Bảo hiểm xã hội thực tế từ tháng 7/1992 đến tháng 4/2025 là 23 năm 10 tháng.

Tại Công văn số 731/BHXXH-TTKT ngày 21/5/2025 của Bảo hiểm xã hội tỉnh C ghi nhận thời gian tham gia công tác của bà C còn vướng mắc chưa được giải quyết là từ tháng 7/1992 đến 6/2021. Theo bản án số 146/2024/HC-PT và bản án số 12/2023/HC-ST đều không có nội dung tuyên xử về việc tính thời gian tham gia công tác hưởng Bảo hiểm xã hội từ tháng 7/1992 đến tháng 6/2001 của bà C, chỉ có phần nhận định đối với các yêu cầu khác trong đó có yêu cầu xác định lại thời gian đóng Bảo hiểm xã hội thực tế của bà C tính từ năm 1992, là hậu quả pháp lý của việc chấp nhận yêu cầu hủy Quyết định số 3578/QĐ-UBND ngày 09/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Đồng thời, khi tuyên hủy Quyết định số 3578/QĐ-UBND, Tòa án cũng tuyên Ủy ban nhân dân thành phố C có trách nhiệm giải quyết các chế độ chính sách đối với bà C đúng quy định của pháp luật. Theo đó, Bảo hiểm xã hội sẽ phối hợp để ghi nhận thời gian tham gia công tác hưởng Bảo hiểm xã hội từ tháng 7/1992 đến tháng 6/2001 của bà C khi Ủy ban nhân dân thành phố có đề nghị và hồ sơ tính thời gian tham gia công tác từ tháng 7/1992 đến tháng 6/2001 của bà C có đủ cơ sở pháp lý theo quy định. Do đó, bà C yêu cầu được tính thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 7/1992 đến tháng 6/2001 là có căn cứ cần được chấp nhận.

Ngoài ra, tại bản ghi quá trình đóng Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm tự nguyện mã số BHXH: 1199020477 của bà Nguyễn Thị Hà C do Bảo hiểm xã hội tỉnh C cung cấp ghi nhận từ tháng 01/2022 đến tháng 7/2024 không tham gia đóng Bảo hiểm xã hội. Xét thấy, thời gian này là thời gian bà C thôi việc theo quyết định số 3578/QĐ-UBND. Việc bà C yêu cầu được tính thời gian đóng bảo hiểm trong thời gian này thuộc trách nhiệm giải quyết các chế độ, chính sách đối với bà C sau khi hủy bỏ Quyết định số 3578/QĐ-UBND. Theo bảng chi tiết tính đóng

bảo hiểm xã hội do Bảo hiểm xã hội khu vực IX cung cấp thời gian từ tháng 01/2022 đến tháng 7/2024 tỷ lệ đóng Bảo hiểm xã hội đối với bà Nguyễn Thị Hà C thì đơn vị sử dụng lao động phải đóng 36.875.652đ (Ba mươi sáu triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn sáu trăm năm mươi hai đồng) đồng và người lao động phải đóng 17.088.720đ (*Mười bảy triệu không trăm tám mươi tám nghìn bảy trăm hai mươi đồng*), số tiền lãi truy thu là 9.353.978đ (*Chín triệu ba trăm năm mươi ba nghìn chín trăm bảy mươi tám đồng*).

Tại phiên toà bà C nhất trí khấu trừ số tiền 17.088.720đ (*Mười bảy triệu không trăm tám mươi tám nghìn bảy trăm hai mươi đồng*) vào tổng số tiền được bồi thường do thu nhập bị mất, người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C nhất trí với số tiền đơn vị sử dụng lao động phải đóng tuy nhiên đề nghị không tính lãi truy thu vì Ủy ban nhân dân thành phố không có lỗi trong việc chậm đóng bảo hiểm cho bà C.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 17 và khoản 3 Điều 122 Luật bảo hiểm xã hội năm 2014 thì trường hợp chậm đóng bảo hiểm xã hội từ 30 ngày trở lên thì ngoài việc phải đóng đủ số tiền chưa đóng còn phải nộp số tiền lãi bằng 02 lần mức lãi suất đầu tư quỹ bảo hiểm xã hội bình quân của năm trước liền kề tính trên số tiền, thời gian chậm đóng. Mặc dù Ủy ban nhân dân thành phố không có lỗi trong việc chậm đóng bảo hiểm xã hội cho bà C nhưng đây là hậu quả của Quyết định số 3578/QĐ-UBND ngày 09/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C do đó Hội đồng xét xử xác định lỗi chậm đóng thuộc về người sử dụng lao động nên phải có trách nhiệm đối với phần lãi truy thu là 9.353.978đ (*Chín triệu ba trăm năm mươi ba nghìn chín trăm bảy mươi tám đồng*).

[2.5]. Đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung của bà Nguyễn Thị Hà C tại phiên toà về việc buộc Ủy ban nhân dân thành phố C có văn bản công khai xin lỗi tại nơi làm việc để phục hồi danh dự, uy tín cho bà. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố C nhất trí theo yêu cầu của bà C nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thống nhất của các đương sự.

[3]. Xét yêu cầu phản tố của bị đơn:

Yêu cầu bà Nguyễn Thị Hà C phải hoàn lại số tiền trợ cấp thôi việc là 143.891.235 đồng (*Một trăm bốn mươi ba triệu tám trăm chín mươi mốt nghìn hai trăm ba mươi năm đồng*). Đây là số tiền bà C được chi trả khi thực hiện chính sách theo Nghị định số 143/NĐ-CP, Nghị định số 108/2014/NĐ-CP và Nghị định 113/2018/NĐ-CP.

Bà Nguyễn Thị Hà C không nhất trí với yêu cầu phản tố của Ủy ban nhân dân thành phố C vì quyết định thôi việc đối với bà đã bị Tòa án tuyên hủy, khoản tiền chi trả là hậu quả của hành vi hành chính trái pháp luật. Bản thân bà không có lỗi trong việc ban hành quyết định đó nên không có nghĩa vụ hoàn trả khi bà là người bị thiệt hại.

Xét thấy, tại Điều 2 Quyết định số 3578/QĐ-UBND ngày 09/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân về việc giải quyết thôi việc đối với công chức cấp xã có nội dung: “*Chế độ trợ cấp thôi việc của bà Nguyễn Thị Hà C được hưởng theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ với tổng số tiền là 143.891.235 đồng*”.

Tuy nhiên tại bản án số 12/2023/HC-ST ngày 31/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng đã tuyên hủy một phần Quyết định số 2020/QĐ-UBND ngày 27/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh C về việc phê duyệt danh sách và cấp kinh phí giải quyết chính sách tinh giản biên chế; hủy Quyết định số 3578/QĐ-UBND ngày 09/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân về việc giải quyết thôi việc đối với công chức cấp xã. Ngày 05/8/2024 Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C ban hành Quyết định số 1382/QĐ-UBND về việc hủy bỏ nội dung đề nghị thẩm định danh sách, kinh phí thực hiện tinh giản biên chế đợt I năm 2022 đối với trường hợp bà Nguyễn Thị Hà C, công chức Văn phòng – thống kê xã H, thành phố C tại Tờ trình số 264/TTr-UBND ngày 27/9/2021; hủy bỏ Quyết định số 3578/QĐ-UBND ngày 09/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C; điều động và phân công công tác đối với công chức cấp xã quyết định: “Hủy bỏ nội dung đề nghị thẩm định danh sách, kinh phí thực hiện tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP và Nghị định số 143/2020/NĐ-CP đợt I năm 2022 đối với trường hợp bà Nguyễn Thị Hà C, công chức Văn phòng – thống kê xã H, thành phố C tại Tờ trình số 264/TTr-UBND ngày 27/9/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C”. Do Quyết định có nội dung bà C được hưởng chế độ với số tiền 143.891.235đ (*Một trăm bốn mươi ba triệu tám trăm chín mươi một nghìn hai trăm ba mươi lăm đồng*) đã bị hủy bỏ nên bà C có nghĩa vụ phải hoàn trả lại số tiền đã nhận. Do đó, Ủy ban nhân dân thành phố C yêu cầu bà Nguyễn Thị Hà C trả lại số tiền trợ cấp thôi việc đã hưởng là có căn cứ, cần chấp được chấp nhận.

[4]. Về án phí:

Yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hà C thuộc trường hợp được miễn án phí, bà C có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí theo quy định; yêu cầu phản tố của Ủy ban nhân dân thành phố C thuộc trường hợp không phải nộp án phí.

[5]. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[6]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng là có căn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 584, Điều 585 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 8, Điều 13, Điều 17, Điều 24, Điều 27, Điều 28, Điều 31 Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017;
- Căn cứ Điều 17, Điều 85, Điều 86, Điều 122 Luật bảo hiểm xã hội năm 2014;

- Áp dụng khoản 6 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 11, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hà C, Ủy ban nhân dân thành phố C có trách nhiệm bồi thường cho bà Nguyễn Thị Hà C các khoản tiền sau:

- Thu nhập thực tế bị mất: 222.990.780đ (*Hai trăm hai mươi hai triệu chín trăm chín mươi nghìn bảy trăm tám mươi đồng*).

- Bồi thường tổn thất về tinh thần: 21.600.000đ (*Hai mươi một triệu sáu trăm nghìn đồng*).

- Bồi thường các chi phí khác: 18.720.000đ (*Mười tám triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng*)

2. Ủy ban nhân dân thành phố C (nay là Bảo hiểm xã hội khu vực IX) có trách nhiệm phối hợp tính thời gian đóng bảo hiểm xã hội cho bà Nguyễn Thị Hà C từ tháng 7/1992 đến tháng 2001 và khoảng thời gian bà C thôi việc từ tháng 01/2022 đến tháng 7/2024.

3. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hà C về việc buộc Ủy ban nhân dân thành phố C bồi thường chi phí thuê người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp.

4. Chấp nhận yêu cầu phản tố của Ủy ban nhân dân thành phố C, buộc bà Nguyễn Thị Hà C hoàn trả lại số tiền trợ cấp thôi việc là 143.891.235 đồng (*Một trăm bốn mươi ba triệu tám trăm chín mươi một nghìn hai trăm ba mươi năm đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Hà C được miễn toàn bộ án phí. Ủy ban nhân dân thành phố C phải chịu án phí.

6. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hiền